

Số 2426/TB-SYT

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2020

THÔNG BÁO

Về việc bổ sung vận hành chính thức một số thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 3.

Thực hiện Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 12/01/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc triển khai vận hành chính thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đã xây dựng hoàn thành, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và cá nhân trong hoạt động đăng ký cấp phép hành nghề y dược, Sở Y tế Hà Nội thông báo:

Kể từ ngày 01/5/2020, Sở Y tế Hà Nội bổ sung vận hành chính thức 53 thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 3 bao gồm 39 thủ tục hành chính liên quan đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; 14 thủ tục hành chính liên quan đến cơ sở kinh doanh Dược (có danh sách kèm theo).

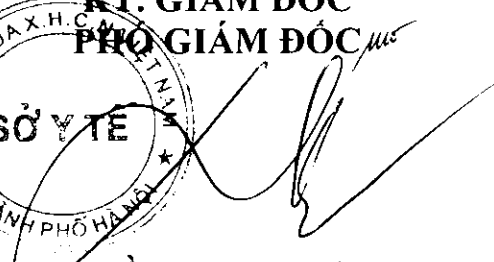
Thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 3 được hướng dẫn và thực hiện trên cổng thông tin dịch vụ công trực tuyến của thành phố Hà Nội tại website: <https://dichvucong.hanoi.gov.vn>. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị tổ chức, cá nhân liên hệ trực tiếp để được hướng dẫn theo địa chỉ:

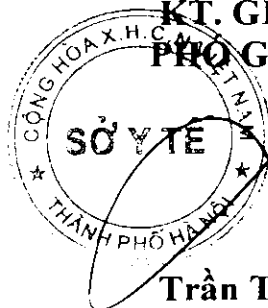
- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính một cửa Sở Y tế (địa chỉ số 4 phố Sơn Tây, Ba Đình, Hà Nội - Điện thoại: 0243.7343622)
- Đường dây nóng của Cổng giao tiếp điện tử Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Thành phố: (024) 35 123 123.

Trên đây là nội dung thông báo của Sở Y tế Hà Nội.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố;
- VP UBND Thành phố;
- Bộ Y Tế; (để báo cáo)
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Sở Thông tin và Truyền thông HN | (để phối hợp)
- UBND quận/huyện/thị xã;
- Trung tâm KSBT thành phố; (để đăng tải)
- Báo Hà Nội mới;
- Báo Kinh tế đô thị;
- Báo An Ninh thủ đô (để phối hợp truyền thông)
- Trung tâm tin tức VTV24;
- Kênh VOV giao thông;
- Lưu VT, QLHN, NVD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Thị Nhị Hà



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3
LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH; CƠ SỞ KINH DOANH DƯỢC
TẠI SỞ Y TẾ HÀ NỘI

(Kèm theo Thông báo số 2114/ TB-SYT ngày 15/5/2020...)

| STT | Tên thủ tục hành chính vận hành chính thức mức độ 3 | Lĩnh vực | Mức độ |
|-----|---|-----------------|--------|
| 1 | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 2 | Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc phòng khám đa khoa tư nhân hoặc khoa khám bệnh của bệnh viện đa khoa | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 3 | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 4 | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 5 | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 6 | Cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 7 | Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám, tư vấn và điều trị dự phòng thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 8 | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám, điều trị bệnh nghề nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám, chữa bệnh | 3 |

| STT | Tên thủ tục hành chính vận hành chính thức mức độ 3 | Lĩnh vực | Mức độ |
|-----|---|-----------------|--------|
| 9 | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đém mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 10 | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 11 | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 12 | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ kinh thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 13 | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chẩn đoán hình ảnh, phòng X quang thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 14 | Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm y tế cấp xã, trạm xá thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 15 | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 16 | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 17 | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 18 | Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do cấp không đúng thẩm quyền | Khám, chữa bệnh | 3 |

| STT | Tên thủ tục hành chính vận hành chính thức mức độ 3 | Lĩnh vực | Mức độ |
|-----|---|------------------|--------|
| 19 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế Hà Nội, bệnh viện tư nhân hoặc thuộc các Bộ khác (trừ các bệnh viện thuộc Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập. | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 20 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế Hà Nội. | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 21 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế Hà Nội. | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 22 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng Chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 23 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế Hà Nội. | Khám, chữa bệnh. | 3 |
| 24 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế Hà Nội. | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 25 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế Hà Nội. | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 26 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, dán mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp thuộc thẩm quyền của Sở Y tế Hà Nội. | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 27 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả thuộc thẩm quyền của Sở Y tế Hà Nội. | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 28 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà thuộc thẩm quyền của Sở Y tế Hà Nội. | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 29 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế Hà Nội. | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 30 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế Hà Nội. | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 31 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã thuộc thẩm quyền của Sở Y tế Hà Nội. | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 32 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm. | Khám, chữa bệnh | 3 |

| STT | Tên thủ tục hành chính vận hành chính thức mức độ 3 | Lĩnh vực | Mức độ |
|-----|---|-----------------|--------|
| 33 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế Hà Nội khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 34 | Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế Hà Nội do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 35 | Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế Hà Nội khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn. | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 36 | Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình độc lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế Hà Nội. | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 37 | Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ thuộc thẩm quyền của Sở Y tế Hà Nội | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 38 | Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ thuộc thẩm quyền của Sở Y tế Hà Nội | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 39 | Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập | Khám, chữa bệnh | 3 |
| 40 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh Dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế | Dược - Mỹ phẩm | 3 |
| 41 | Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc | Dược - Mỹ phẩm | 3 |
| 42 | Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán lẻ thuốc có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa được chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa được chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, được chất trong danh mục thuốc, được chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực. | Dược - Mỹ phẩm | 3 |
| 43 | Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc | Dược - Mỹ phẩm | 3 |
| 44 | Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm c và d Khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2018/TT-BYT | Dược - Mỹ phẩm | 3 |
| 45 | Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc. | Dược - Mỹ phẩm | 3 |

Tên thủ tục hành chính vận hành chính thức mức độ 3

| STT | | Lĩnh vực | Mức độ |
|-----|--|----------------|--------|
| 46 | Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán buôn thuốc có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hương thảo, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, được chất trong danh mục thuốc, được chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực. | Dược - Mỹ phẩm | 3 |
| 47 | Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động | Dược - Mỹ phẩm | 3 |
| 48 | Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc | Dược - Mỹ phẩm | 3 |
| 49 | Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được | Dược - Mỹ phẩm | 3 |
| 50 | Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh được | Dược - Mỹ phẩm | 3 |
| 51 | Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc | Dược - Mỹ phẩm | 3 |
| 52 | Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hương thảo, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, được chất trong danh mục thuốc, được chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực; | Dược - Mỹ phẩm | 3 |
| 53 | Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT | Dược - Mỹ phẩm | 3 |